TỔNG HỢP SĨ SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG TIỂU HỌC CỘNG HOÀ

Thời điểm Tháng 11+ Tháng 12); Báo cáo cuối học kì I

TT	Giáo viên CN	Lớp CN	Kế hoạch_ 12/8/24		Sĩ số giao giao		Tăng (Đến)		Giảm (Đi)		Thực hiện		Độ tuổi HS														Đối tượng														Bán trú (Đăng ký)		Phòng học		Bàn ghế	Ghi chú
													6 Năm 2018		7 Năm 2017		8 Năm 2016		9 Năm 2015		10 Năm 2014		11 Năm 2013		12 Năm 2012		Con dân tộc		Hộ nghèo		Cận nghèo	GD KK	Học sinh khuyết tật		HS LB		Con liệt sĩ	Con TB	Con BB	Con Bộ đội	Con CA			Nhà	Số phòng		
			TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ			TS	Nữ	C	N	TS	TS	TS	TS	TS	TS	Nữ				
1	Phạm Thị Trình	1A	38	17	38	17					38	17	38	17																		1							2	0	37	16	B-T2	13	19	
2	Nguyễn Thị Quỳnh	1B	36	15	36	15			1		35	15	35	15													1	1	1	1			1	1					1		35	15	B-T2	14	18	Hoài Như-DT Tây
3	Phạm Thị Quỳnh	1C	36	17	36	17					36	17	35	16	1	1																1			1	1			2		35	16	B-T2	15	18	2017: Bảo Thy
4	Vũ Thị Duyên	1D	38	25	38	25			3	2	35	23	34	22	1	1											1					1							1		35	23	B-T2	16	18	2017 Duyên, Thắng-DT Tây
5	Nguyễn Thị Yến	1E	36	17	36	17					36	17	35	17	1												1	1											4	0	35	16	B-T1	10	18	2017 Trương An Hạ Vân-DT Tây
6	Nguyễn Thị Kim Thu	1G	37	21	37	21			1		36	21	35	20	1	1													1	1					1	1			2		33	20	B-T1	11	20	2017: Bảo Hân
7	Đặng Thị Thơm	1H	35	12	35	12	1	1			36	13	36	13																									1	1	34	13	B-T1	12	18	
	7	36,0	256	124	256	124	1	1	5	2	252	123	248	120	4	3											3	2	2	2	0	3	1	1	2	2	0	0	0	13	1	244	119			129	
8	Nguyễn Thị Vân Anh	2A	36	13	36	13					36	13			35	12							1	1									1	1					2	0	35	12	E-T1	29	20	2013: Khá Anh-KT
9	Trần Thị Thanh Hà	2B	36	19	36	19					36	19			35	18	1	1											1	1		1							2	0	35	18	D-T1	28	19	2016: Thùy Linh;
10	Ng.Thị Thanh Hương	2C	35	17	35	17	1	1			36	18			36	18															1								4	0	34	16	D-T1	27	19	
11	Đinh Thị Thanh Lịch	2D	36	17	36	17			1	1	35	16			34	16	1										2					1	1						1	1	34	15	D-T1	26	19	2016: Khánh, Vinh-Nùng; Nam-KT và DT Tây
12	Vũ Thị Nga	2E	37	16	37	16			1		36	16			34	14	2	2									1						1	1					0	3	34	15	D-T1	25	19	2016: Tuệ Anh +Hà Anh-KT; Tùng Nùng
13	Cao Thị Tuyến	2G	37	16	37	16					37	16			35	16	2												1	1			1						4	0	36	16	C-T1	20	19	2016: Bảo Khang +Duy Khang-KT
14	Dư Thị Tám	2H	35	18	35	18	2	1	1		36	19			35	19	1										1						1	1					0	0	35	19	C-T1	19	18	2016: Q.Minh; Cường-Thổ, Hương; Duyên-KT
	7	36,0	252	116	252	116	3	2	3	1	252	117			244	113	7	3					1	1			4	0	2	2	1	2	5	3	0	0	0	0	0	13	4	243	111			133	
15	Đỗ Thị Sáu	3A	29	15	29	15					29	15					29	15														1							4	0	29	15	E-T2	36	17	
16	Trịnh Thị Bình	3B	28	13	28	13					28	13					27	13	1														1						5	1	27	13	E-T2	35	17	2015: Đạt-KT
17	Nguyễn Thị Thu Thảo	3C	33	14	33	14					33	14					31	13	2	1							1	1					1						0	0	33	14	D-T2	34	23	2013: Kim+ Cường KT, Chi-Mường
18	Đoàn Thị Thảo	3D	30	15	30	15					30	15					29	14	1	1							1												1	0	30	15	D-T2	33	17	Dương 2015; Khôi-Tây
19	Nguyễn Tiến Đạm	3E	30	14	30	14			1		29	14					29	14									1	1	1		1	1							0	0	25	14	D-T2	32	18	Ngọc-Mường;
20	Nguyễn Thị Huyền	3G	32	15	32	15			1	1	31	14					31	14													1								3	0	31	14	D-T2	31	19	
21	Dương Thị Loan	3H	32	14	32	14					32	14					32	14									2	2				2							1	0	31	14	E-T1	30	18	Kiều Lâm-Nùng, Nguyên-Tây
	7	30,3	214	100	214	100	0	0	2	1	212	99					208	97	4	2							5	4	1	0	2	4	2	0	0	0	0	0	0	14	1	206	99			129	

Scanned with CamScanner

TT	Giáo viên CN	Lớp CN	Kế hoạch_ 12/8/24		Sĩ số giao giao		Tăng (Đến)		Giảm (Đi)		Thực hiện		Độ tuổi HS														Đối tượng																Bán trú (Đăng ký)		Phòng học		Bàn ghế	Ghi chú
													6 Năm 2018		7 Năm 2017		8 Năm 2016		9 Năm 2015		10 Năm 2014		11 Năm 2013		12 Năm 2012		Con dân tộc		Hộ nghèo		Cận nghèo	GĐ KK	Học sinh khuyết tật		HS LB		Con liệt sĩ	Con TB	Con BB	Con Bộ đội	Con CA			Nhà	Số phòng		
			TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ			TS	Nữ	TS	N	TS	TS	TS	TS	TS	TS	Nữ					
22	Lê Thị Bích Thủy	4A	39	22	39	22	1				40	22							40	22							1	1				1											37	21	C-T2	21	21	Diệp Anh-Tây
23	Đỗ Thị Bảo Hương	4B	40	17	40	17	1	1	1		40	18							40	18							0													1	0	33	16	C-T2	22	22	Tài-Khơ Mù
24	Phạm Thị Vượng	4C	40	16	40	16	2	2			42	18							42	18							1	1				1								1	0	36	16	C-T2	23	22	Thảo Nguyên-Sán Dìu
25	Mạc Thị Thu Hương	4D	40	23	40	23					40	23							40	23																				0	0	37	20	C-T2	24	20	
26	Nguyễn Thị Hằng	4E	40	18	40	18					40	18							39	18			1						1			1	1							7	1	40	18	C-T1	17	21	2013: Chiến-KT
27	Trần Thị Thúy Hương	4G	37	20	37	20					37	20							36	19	1	1										1								7	0	35	20	B-T1	9	20	2014: Diệp Như
28	Lê Thị Hương	4H	40	19	40	19					40	19							40	19							1	1	1			1								7	1	39	19	C-T1	18	21	Trà My-Tây
	7	39,9	276	135	276	135	4	3	1	0	279	138							277	137	1	1	1				3	3	2	0	0	5	1	0	0	0	0	0	0	23	2	257	130			147	
29	Phạm Thị Minh Hằng	5A	36	17	36	17					36	17									35	17	1									1								6	0	36	17	A-T1	1	22	2013: Quang
30	Phan Thị Ánh Tuyết	5B	35	15	35	15	1	1			36	16									35	16	1								1	2								8	0	33	15	A-T1	2	23	2013: Bình
31	Đặng Thị Hồng Thúy	5C	36	23	36	23					36	23									36	23							1		1									6	1	35	23	A-T1	3	18	
32	Tạ Phương Anh	5D	34	15	34	15					34	15									34	15					2	2												2	0	34	15	A-T1	4	18	Hòa An-Tây; Mai Anh-Sán Dìu
33	Hồ Thị Tú Anh	5E	37	21	37	21					37	21									36	20	1	1			1													1		36	20	A-T2	5	21	2013: Ái Linh; Hải-Sán Chí
34	Nguyễn Thị Lương	5G	36	14	36	14					36	14									35	14	1																	1		34	13	A-T2	6	18	2013: Biển
35	Nguyễn Thị Thanh	5H	36	13	36	13					36	13									35	13			1				1				1							3		30	8	A-T2	7	21	2012: Đạt-KT
36	Trần Hiền Lương	5I	34	17	34	17	1	1			35	18									35	18																		4	1	28	15	A-T2	8	21	
	8	35,8	284	135	284	135	2	2	0	0	286	137									281	##	4	1	1		3	2	2	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	31	2	##	##			162	
	Tin học																																												HB	18	
	Tiếng Anh																																												HB	20	
	Âm Nhạc																																												HB	20	
+	36	35,6	1282	610	1282	610	10	8	11	4	1281	614	248	120	248	116	215	100	281	139	282	##	6	2	1	0	18	11	9	4	5	17	10	4	2	2	0	0	0	94	10	1216	585		0	58	758
											1258	603																																			
											98,2	98,2																																			

- **HS dân tộc: 19 em (K1_3; K2_4: K3: 5; K4: 4; K5: 3)**
- **HS khuyết tật: 9 em (K2_5: K3: 2; K4: 1; K5: 1)**
  Khả Anh-2A; Nam -2D; Hà Anh-2E; Khang-2G; Duyên-2H; Đạt-3B; Cường-3C; Chiến-4E; Đạt-5H); Nguyễn THị Tảo My - 1B (KT từ 11/11/2024)
- **Nghèo: 10em (K1: 2; K2_2: K3_1; K4_3; K5_2)**
  My-1B; May-1G; Trâm-2B; Tú-2G; Thủy-3E; Hương-4E; Kim Anh-4G; Hưng -4H; Hiếu-5C; Hằng-5H
- **Cận nghèo: 5 em (K2_1; K3_2: K5_2)**
  Thương-2C; Minh-3E; Quyền_3G; Nam-5B, An - 5C
- **GĐ khó khăn: 17 (K1_3; K2-2; K3_4; K4_5; K5_3)**
  An-1A; Nhung-1C; Ngân-1D; Vy-2B; Hân-2D; Hòa An-3A; Dương-3E; Châu-3H, Lâm-3H
  Quân-4A, Tài-4C; Đạt-4E, Quỳnh Anh-4G; Hải-4H, Thảo-5A, Bảo-5B, Thanh Bình-5B
- **HS Lưu ban: 02 em** Hoàng Bảo Thy-1C; Nguyễn Bảo Hân-1G
- Tháng 11+12/2024

Tổng số	1282	610	
Đến	10	8	4C: Khánh My-THAL
Đi	11	4	2D: Khánh An đi CM; 2E: Trí đi CVA
Thực hiện	1281	614	
Bán trú	1216		
Năm học 23-24	1317		
Năm học 24-25	1281		
Giảm	36		

Cộng Hòa, ngày 25 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CỘNG HÒA

Nguyễn Thị Nhắc

Scanned with CamScanner